

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2015 và xét đến năm 2020.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2010/NQ-HĐND ngày 05/4/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa IX, kỳ họp chuyên đề về việc thông qua Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2015 và xét đến năm 2020.

Căn cứ kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Thông báo số 20/TB-HĐND ngày 24/6/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2015 và xét đến năm 2020, với các nội dung chính sau (có phụ lục 1, 2 kèm theo):

- Điều chỉnh thời gian quy hoạch, địa danh, vị trí và diện tích khu vực các điểm mỏ: Mỏ đá xây dựng làng Kép Ram, thôn 5, xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum; cát sỏi lòng sông Đăk Pnê, thôn 4, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy; mỏ sét gạch ngói Măng Rương, thôn Măng Rương, xã Văn Lem, huyện Đăk Tô.

- Bổ sung: 19 điểm mỏ làm vật liệu xây dựng thông thường, trong đó: 18 điểm mỏ cát, sỏi và 01 điểm đất đồi làm vật liệu san lấp.

Điều 2. Các nội dung khác tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 12/2010/QĐ-UBND ngày 21/4/2010 của UBND tỉnh Kon Tum về việc Phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2015 và xét đến năm 2020.

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Công thương, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Lao động Thương binh và Xã hội, Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Công thương;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VB QPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Như điều 3;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Kon Tum;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN3.

MC

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Hải

Phụ lục số 01

DANH MỤC CÁC ĐIỂM KHOÁNG SẢN VLXD THÔNG THƯỜNG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH
(Kèm theo Quyết định số 26 /2013/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2013 của UBND tỉnh Kon Tum)

S T T	Tên mỏ - Loại khoáng sản	Vị trí - Tọa độ	Đặc điểm địa chất - Hiện trạng	Mức độ nghiên cứu địa chất	Tổng diện tích QH (ha)	Tổng tài nguyên dự báo (1000 m ³)	Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng			
							Giai đoạn đến 2015		Giai đoạn 2016 - 2020	
							Diện tích (ha)	Trữ lượng (1000 m ³)	Diện tích (ha)	Trữ lượng (1000 m ³)
1	Mỏ đá xây dựng làng Kép Răm. (QĐ số 33/2011/QĐ- UBND ngày 27 tháng 10 năm 2011 của UBND tỉnh)	Thôn 5, xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum. Tọa độ: X ₁ : 1579280; Y ₁ : 550796 X ₂ : 1579117; Y ₂ : 550819 X ₃ : 1579120; Y ₃ : 550750 X ₄ : 1578905; Y ₄ : 550875 X ₅ : 1578838; Y ₅ : 550682 X ₆ : 1578861; Y ₆ : 550622 X ₇ : 1578997; Y ₇ : 550450 X ₈ : 1579243; Y ₈ : 550407 X ₉ : 1579284; Y ₉ : 550466 X ₁₀ : 1579118; Y ₁₀ : 550588 X ₁₁ : 1579219; Y ₁₁ : 550779 X ₁₂ : 1579280; Y ₁₂ : 550705 X ₁₃ : 1579060; Y ₁₃ : 551180 X ₁₄ : 1578928; Y ₁₄ : 551275 X ₁₅ : 1578865; Y ₁₅ : 551146 X ₁₆ : 1578997; Y ₁₆ : 551056	- Đặc điểm ĐC: là loại đá Bazan; phong hóa nứt nẻ, vỡ vụn. - Hiện trạng: Xung quanh khu vực mỏ là nương rẫy, đất sản xuất nông nghiệp (kém hiệu quả)	Đã được thăm dò, đánh giá trữ lượng, chất lượng.	14	1.300	14 (TD: 14; KT: 14)	400	14 (KT: 14)	400

2	Cát sỏi lòng sông Đak Pơ (QĐ số 33/2011/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2011 của UBND tỉnh)	Thôn 4, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy. Tọa độ: XA: 1602371; YA: 0577964 XB: 1602310; YB: 0577929 XC: 1602346; YC: 0577850 XD: 1602395; YD: 0577783 XE: 1602455; YE: 0577736 XF: 1602493; YF: 0577719 XG: 1602517; YG: 0577757 XH: 1602408; YH: 0577917	Cát sỏi lòng sông ngập nước; chưa cấp phép khai thác	Khoá sát, điều tra sơ bộ	0,8	25	0,8	25	0,8	25
3	Mô sét gạch ngói Măng Rơng (QĐ số 33/2011/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2011 của UBND tỉnh)	Thuộc địa bản thôn Măng Rơng và thôn Tà Hơ Ô xã Văm Lơ, huyện Đak Tô. Tọa độ: Điểm đầu: X: 1633061; Y: 540490 Điểm cuối: X: 1633543; Y: 540821	- Đặc điểm địa chất: sét pha cát thuộc trầm tích sông. - Hiện trạng là đất sản xuất nông nghiệp (rẫy); hiện quả thấp; bên dưới là khoáng sản sét.	Khoá sát, điều tra sơ bộ	10	200	5	100	5	100

Phụ lục số 2

DANH MỤC CÁC ĐIỂM MỎ KHOÁNG SẢN VLXD THÔNG THƯỜNG BỎ SUNG QUY HOẠCH
(Kèm theo Quyết định số 26 /2013/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2013 của UBND tỉnh Kon Tum).

STT	Tên mỏ - Loại khoáng sản	Vị trí - Tọa độ	Đặc điểm ĐC - Hiện trạng	Mức độ nghiên cứu ĐC	Tổng diện tích QH (ha)	Tổng tài nguyên dự báo (1000m ³)	Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng			
							Giai đoạn đến 2015		Giai đoạn 2016 - 2020	
							Diện tích (ha)	Trữ lượng (1000 m ³)	Diện tích (ha)	Trữ lượng (1000 m ³)
1	Cát sỏi lòng sông (sông Đăk Pxi)	Thuộc địa bàn thôn 5, xã Diên Bình, huyện Đăk Tô. Tọa độ: - Điểm đầu: X:1617689; Y: 542716. - Điểm cuối: X:1617274; Y:542717.	Cát, sỏi lòng sông ngập nước; đã khai thác	Khảo sát, điều tra sơ bộ	1,5	20	1,5	20	1,5	20
2	Cát sỏi lòng sông (sông Đăk Pxi)	Thuộc địa bàn thôn 1, xã Diên Bình, huyện Đăk Tô. Tọa độ: - Điểm đầu: X:1616610; Y: 540697. - Điểm cuối: X:1616454; Y:541021.	Cát, sỏi lòng sông ngập nước; đã khai thác	Khảo sát, điều tra sơ bộ	1	10	1	10	1	10
3	Cát sỏi lòng sông (sông Đăk Tô Kan)	Thuộc địa bàn khối 3, TT Đăk Tô, huyện Đăk Tô. Tọa độ: - Điểm đầu: X:1621868; Y: 535878. - Điểm cuối: X:1621828; Y:535981.	Cát, sỏi lòng sông ngập nước; đã khai thác	Khảo sát, điều tra sơ bộ	0,225	3,8	0,225	3,8	0,225	3,8

4	Cát sỏi lòng sông (sông Đak Tô Kan) -	Thuộc địa bàn khối 5, TT Đak Tô, huyện Đak Tô. Tọa độ: - Điểm đầu: X:1620874; Y: 536193. - Điểm cuối: X:1620782; Y:536300.	Cát, sỏi lòng sông nước; đã khai thác	Khảo sát, điều tra sơ bộ	1,38	2,7	1,38	2,7		
5	Cát sỏi lòng sông (sông Đak Tô Kan)	Thuộc địa bàn khối 5, TT Đak Tô, huyện Đak Tô. Tọa độ: - Điểm đầu: X:1620481; Y: 536442. - Điểm cuối: X:1620284; Y:536442.	Cát, sỏi lòng sông nước; đã khai thác	Khảo sát, điều tra sơ bộ	2,20	2	2,20	2		
6	Cát, sỏi suối Đak Rơ Ngát	Thuộc địa bàn thôn 3, xã Tân Cảnh, huyện Đak Tô. Tọa độ: - Điểm đầu: X:1622286; Y: 529655. - Điểm cuối: X:1622759; Y: 529690.	Cát, sỏi lòng suối nước; khai thác	Khảo sát, điều tra sơ bộ	0,28	3,36	0,28	3,36	0,28	3,36
7	Cát, sỏi suối Đak Rơ Ngát	Thuộc địa bàn thôn 3, xã Tân Cảnh, huyện Đak Tô. Tọa độ: - Điểm đầu: X:1622116; Y: 529774. - Điểm cuối: X:1622105; Y: 529800.	Cát, sỏi lòng suối nước; khai thác	Khảo sát, điều tra sơ bộ	0,18	2,34	0,18	2,34	0,18	2,34
8	Cát, sỏi lòng sông (sông Pô Kô)	Thuộc địa bàn thôn 4, xã Tân Cảnh, huyện Đak Tô. Tọa độ: - Điểm đầu: X: 1651321; Y: 528488. - Điểm cuối: X:1621199; Y: 528543.	Cát, sỏi lòng sông nước; khai thác	Khảo sát, điều tra sơ bộ	0,6	8,4	0,6	8,4	0,6	8,4

9	Cát, sỏi lòng sông (sông Pô Kô)	Thuộc địa bàn thôn 4, xã Tân Cảnh, huyện Đắk Tô. Tọa độ: - Điểm đầu: X: 1621369; Y: 528004. - Điểm cuối: X: 1621346; Y: 528003.	Cát, sỏi lòng sông nước; khai thác	Khảo sát, điều tra sơ bộ	0,2	2,43	0,2	2,43	0,2	2,43
10	Cát, sỏi lòng sông (sông Đắk Bla)	Thuộc địa bàn thôn Kon Jo Ri, xã Đắk Rơ Va, thành phố Kon Tum. Tọa độ: X ₁ : 1585984; Y ₁ : 0560013 X ₂ : 1584485; Y ₂ : 0560914 X ₃ : 1584485; Y ₃ : 0560842 X ₄ : 1585953; Y ₄ : 0559910	Cát, sỏi lòng suối nước; chưa khai thác. Xã khu dân cư và các công trình hạ tầng kỹ thuật, không liên quan đến đất sản xuất nông nghiệp	Khảo sát, điều tra sơ bộ	13,6	30	13,6	30	13,6	30
11	Cát, sỏi lòng sông (suối la Rai)	Thuộc địa bàn làng Lung Leng, TT Sa Thầy, huyện Sa Thầy. Tọa độ: X ₁ : 1589923; Y ₁ : 532334 X ₂ : 1589615; Y ₂ : 531728 X ₃ : 1589610; Y ₃ : 531728 X ₄ : 1589904; Y ₄ : 532343	Cát, sỏi lòng suối nước; chưa khai thác. Xã khu dân cư và các công trình hạ tầng kỹ thuật, không liên quan đến đất sản xuất nông nghiệp	Khảo sát, điều tra sơ bộ	1,6	10	1,6	10	1,6	10
12	Đất san lấp (đất đồi)	Thuộc địa bàn thôn 1, TT Sa Thầy, huyện Sa Thầy. Tọa độ: X ₁ : 1593284; Y ₁ : 531272	Đất đồi núi, sỏi sạn; sản xuất nông nghiệp	Khảo sát, điều tra sơ bộ	3,90	500	1,50	150	2,40	350



		X ₂ :1593170; Y ₂ : 531079 X ₃ :1593017; Y ₃ : 531173 X ₄ :1593014; Y ₄ : 531223 X ₅ :1593039; Y ₁ : 531226 X ₆ :1593121; Y ₂ : 531324 X ₇ :1593198; Y ₃ : 531305 X ₈ :1593215; Y ₄ : 531334	quả thấp. Hiện tại đang bỏ trống.									
13	Cát, sỏi lòng sông (sông Đak Pnê)	- Vị trí: Sông Đak Pnê, Thuộc địa bàn thôn 4, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy. - Tọa độ: + Điểm đầu: X:1602283; Y: 578147. + Điểm cuối: X:1602348; Y:0577949.	Cát, sỏi lòng sông; khai thác. Xã khu dân cư và các công trình hạ tầng kỹ thuật, không liên quan đến đất sản xuất nông nghiệp	Khảo sát, điều tra sơ bộ	1,6	20	1,6	20	1,6	20		20
14	Cát, sỏi lòng sông (sông Đak Pnê)	- Vị trí: Sông Đak Pnê, Thuộc địa bàn thôn 5, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy. - Tọa độ: +Điểm đầu: X:1602709; Y: 0579655. + Điểm cuối: X:1602701; Y:0578850.	Cát, sỏi lòng sông; khai thác. Xã khu dân cư và các công trình hạ tầng kỹ thuật, không liên quan đến đất sản xuất nông nghiệp	Khảo sát, điều tra sơ bộ	2,4	25	2,4	25	2,4	25		25
15	Cát, sỏi lòng sông (sông Đak Pnê)	- Vị trí: Sông Đak Pnê, Thuộc địa bàn thôn 4, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy.	Cát, sỏi lòng sông; khai thác.	Khảo sát, điều tra sơ bộ	1,5	15	1,5	15	1,5	15		15



		- Tọa độ: +Điểm đầu: X:1601847; Y: 0577397. +Điểm cuối: X:1601372;Y:0576700.	Cách Đường liền xã (từ thị trấn Đăk Rve- Đăk Tô Re) khoảng 200m về phía Bắc, xung quanh không có dân cư, không liên quan đến đất sản xuất nông nghiệp.	Khuo sít, điều tra sơ bộ	0,52	15	0,52	15	0,52	6	0,6	6
16	Cát, sỏi lòng sông (sông Đăk Pne)	- Vị trí: Sông Đăk PNe, Thuộc địa bàn thôn 5, thị trấn Đăk Rve, huyện Kon Rẫy. - Tọa độ: + Điểm đầu: X:1604190; Y: 0581434. + Điểm cuối: X:1604214;Y:0581304.	Cát, sỏi lòng sông ngập nước; chưa khai thác. Cách Đường đi xã Đăk Pxe khoảng 300m về hai bên bờ sông cách khu dân cư gần nhất khoảng 300m, không liên quan đến đất sản xuất nông nghiệp.	Khuo sít, điều tra sơ bộ	0,52	15	0,52	15	0,52	6	0,6	6
17	Cát, sỏi lòng sông thôn Có Chất (sông Đăk Nghé)	- Vị trí: sông Đăk Nghé, địa ban thôn Có Chất, xã Măng Bút, huyện Kon Plông. - Tọa độ: Xa: 1646553; Ya: 572014 Xe: 1646540; Ye: 572034	Cát, sỏi lòng sông bị ngập nước. Vị trí quy hoạch cách cầu treo dân sinh khoảng	Khuo sít, điều tra sơ bộ	0,6	6	0,6	6	0,6	6	0,6	6

